

CO DOI ACADEMICS VILLAGE IN THE MIDDLE AGES

Nguyen Van Bao

Institute of History, Vietnam Academy of Social Sciences

Email: nguyenbaovsh@gmail.com

Received: 04/8/2021; Reviewed: 19/8/2022; Revised: 25/8/2022; Accepted: 29/8/2022; Released: 30/9/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/728>

Co Doi Village is one of the ancient villages in the Ma River Delta region, today Hoang Giang commune, Nong Cong district, Thanh Hoa province. On the basis of education, confucian faculty and tradition of studiousness, Co Doi village has become one of the typical academic villages of Thanh Hoa. The article focuses on researching and clarifying the achievements of the village's faculty education, along with the important contributions of academics in the fields of politics, economy, culture, diplomacy...

Keywords: *Co Doi Village; Faculty education; Academics Village; Ma river delta region; Thanh Hoa province.*

1. Đặt vấn đề

Nền khoa cử Nho học Việt Nam dưới thời phong kiến bắt đầu từ năm 1075 và kết thúc vào năm 1919. Trải qua hàng trăm khoa thi dưới các triều đại quân chủ đã lựa chọn được hàng nghìn nhân tài cho đất nước. Những người đỗ đạt ra làm quan, nhiều người đã trở thành nhà chính trị, văn hóa, ngoại giao... có những đóng góp quan trọng cho đất nước, làm rạng danh gia đình, dòng họ và làng xã. Trên cơ sở của nền giáo dục, khoa cử Nho học, nhiều người làng Cổ Đô đỗ đại khoa (Tiến sĩ), trung khoa (Cử nhân, Hương cống) ra làm quan cho triều đình, có nhiều đóng góp đối với đất nước, làng xã được sử sách ghi danh.

2. Tổng quan nghiên cứu

Giáo dục, khoa cử nói chung, làng khoa bảng nói riêng từ lâu đã được các nhà khoa học, nhà quản lý trong và ngoài nước quan tâm, nghiên cứu dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Nhiều công trình khoa học được công bố, trong đó tiêu biểu như: “Lược khảo về khoa cử Việt Nam từ khởi thủy đến năm Mậu Ngọ (1918)”, (Trần Văn Giáp, 1941); “Lịch sử giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng 8 năm 1945”, (Nguyễn Đăng Tiến, 1996); “Lịch sử giản lược hơn 1000 năm nền giáo dục Việt Nam”, (Lê Văn Giảng, 2003); “Giáo dục và khoa cử Nho học thời Lê ở Việt Nam qua tư liệu Hán Nôm” (Đinh Khắc Thuận, 2009) ... Đặc biệt, Bộ công trình “Lịch sử Việt Nam” gồm 15 tập do tập thể các nhà nghiên cứu của Viện Sử học biên soạn, được xuất bản từ năm 2013 đến năm 2015 và năm 2017 được tái bản, bổ sung, trong đó nội dung giáo dục, khoa cử Nho học từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XX được trình bày từ tập 2 đến tập 7. Bộ lịch sử giáo

dục Việt Nam gồm 5 tập do Viện Sử học chủ trì biên soạn, trong đó tập 1, “Lịch sử giáo dục Việt Nam từ thế kỷ X đến năm 1858” (Vũ Duy Mên, 2020), đã trình bày một cách toàn diện nhất về giáo dục, khoa cử Việt Nam từ thế kỷ X đến năm 1858,...

Ngoài những công trình nghiên cứu về giáo dục, khoa cử nói chung, còn có các công trình nghiên cứu về các làng xã cụ thể. Chỉ tính riêng ở tỉnh Thanh Hóa đã có những công trình tiêu biểu trong đó nội dung có đề cập đến giáo dục, khoa cử như: “Hoàng Lộc - đất hiếu học”, (Bùi Khắc Việt, Nguyễn Đức Nhuệ, 1996); “Khảo sát văn hóa truyền thống làng Cổ Bôn”, (Trần Thị Liên, Phạm Minh Trí, 2005); “Làng nghề thủ công và làng khoa bảng thời phong kiến ở đồng bằng sông Mã”, (Hà Mạnh Khoa, 2009); “Cơ cấu kinh tế, xã hội và văn hóa xã Hoàng Lộc (Hoàng Hóa, Thanh Hóa) thời kì trung đại”, (Mai Phương Ngọc, 2014), “Kinh tế, xã hội và văn hoá làng Cổ Định (Thanh Hóa) đến đầu thế kỷ XX”, (Nguyễn Văn Bảo, 2021)...

Bên cạnh các công trình nghiên cứu về giáo dục, khoa cử chung thì làng khoa bảng Cổ Đô nói riêng ít nhiều cũng được trình bày ở mức độ khác nhau trong một số công trình nghiên cứu như: Bộ sách “Lịch sử Thanh Hóa” (gồm 5 tập) do Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa chủ trì biên soạn (tập 1 (1990), tập 2 (1994), tập 5 (1996), tập 3 (2002), tập 4 (2008); Công trình “Địa chí Thanh Hóa” (gồm 5 tập, đã xuất bản được 4 tập) do Tỉnh ủy HĐND - UBND tỉnh Thanh Hóa chủ trì biên soạn gồm: Tập I: “Địa lí và lịch sử” (2000), tập III: “Kinh tế” (2000), tập II: “Văn hóa và xã hội” (2004), tập IV: “Nhân vật chí” (2014); Công trình “Địa chí Nông Cống” (1998) của Hoàng Anh Nhân, Lê Huy

Trâm nghiên cứu về huyện Nông Cống từ khởi thủy đến năm 1995; “Lịch sử Đảng bộ xã Hoàng Giang” (1947 - 2007), do Ban chấp hành Đảng bộ xã Hoàng Giang tổ chức biên soạn và xuất bản năm 2007,... Đây là những công trình có ít nhiều trình bày các nội dung liên quan đến làng khoa bảng Cổ Đồi dưới thời trung đại. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện về lịch sử khoa bảng của làng Cổ Đồi thời kỳ trung đại.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử, phương pháp tổng hợp, phương pháp lôgic, khảo cứu nguồn sử liệu, phân tích tài liệu thứ cấp khai thác tại làng Cổ Đồi thông qua các văn bia, câu đối, gia phả,... các công trình nghiên cứu về giáo dục, khoa cử trên cả nước và tỉnh Thanh Hoá. Trên cơ sở nghiên cứu tổng hợp, phân tích nguồn tài liệu, bài viết tập trung làm rõ quá trình hình thành làng Cổ Đồi, thành tựu khoa cử và đóng góp của các nhà khoa bảng đối với đất nước và làng xã.

4. Kết quả nghiên cứu

Làng Cổ Đồi là một làng cổ nằm ven bờ sông Hoàng, được thành lập từ thời nhà Trần (1225-1400), tức là đến nay làng có lịch sử hình thành khoảng 700 năm. Tên gọi ban đầu là trang Cổ Đồi, đến thời Lê sơ (1428-1527) đổi thành xã Cổ Đồi, từ sau năm 1955 đổi là xã Hoàng Giang và tồn tại đến ngày nay. Nay làng Cổ Đồi thuộc xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, thuộc phía đông bắc huyện Nông Cống và phía đông nam thành phố Thanh Hóa. Làng nằm cách thành phố Thanh Hóa 15km, cách trung tâm huyện Nông Cống (thị trấn Chuối) 13km về phía đông bắc. Chiều dài của xã từ bắc đến nam hơn 4km, chiều rộng đông tây hơn 2km. Địa hình của làng thuộc dạng bán sơn địa, bị chi phối nhiều bởi núi Yên Thái và núi Hoàng Sơn, dưới chân núi có các cồn, gò với địa danh như: cồn Sỏi, cồn Tri, cồn Ngựa, cồn Gang, cồn Tổng, cồn Bù, cồn Cao. Do đó, địa hình của làng rất đa dạng, phức tạp, với nhiều dạng địa hình khác nhau như đồng bằng, có núi, có đồng cao, ruộng sâu. Giao thông của làng có cả các tuyến đường bộ, đường sắt và đường thủy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và phát triển kinh tế - xã hội.

Trải qua 884 năm khoa cử Nho học, các triều đại quân chủ Việt Nam đã tổ chức 183 khoa thi đại khoa, lấy đỗ 2.898 người. Trong đó, tỉnh Thanh Hoá có 206 người đỗ đại khoa, huyện Nông Cống có 19 người đỗ, riêng làng Cổ Đồi có 11 người đỗ, bao gồm:

(1) Đỗ Phi Tân (1508-?), đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Giáp Thìn niên hiệu Quang

Hòa thứ 4 (1544) đời vua Mạc Phúc Hải, là người khai khoa của làng Cổ Đồi. Sau khi đỗ đạt, ông làm quan dưới thời nhà Lê đến chức Thượng thư, hàm Thiếu bảo, tước Văn Trường bá. Sau khi mất, được tặng hàm Thái bảo, tước Nông Quận công (Ngô Đức Thọ, 2006, tr.359).

(2) Đỗ Tất Đại (1514-?), là em trai Đỗ Phi Tân, ông đỗ Đệ nhất giáp Chế khoa xuất thân khoa Giáp Dần niên hiệu Thuận Bình 6 (1554) đời Lê Trung Tông. Ông làm quan đến chức Đông các đại học sĩ, tước Văn Hoành bá ((Ngô Đức Thọ, 2006, tr.436).

(3) Đỗ Tế Mỹ (1535-1586), là con của Đỗ Tất Đại, ông đỗ Đệ nhất giáp Chế khoa xuất thân khoa Ất Sửu niên hiệu Chính Trị 8 (1565) đời Lê Anh Tông. Ông làm quan đến chức Tả thị lang bộ Hộ. Sau khi mất được phong tặng Thượng thư, gia phong Thái Bảo, tước Quận Công (Ngô Đức Thọ, 2006, tr.440).

(4) Lê Sĩ Trạch (1536-1614) có sách chép là Lê Nghĩa Trạch, 30 tuổi đỗ Đệ nhị giáp Đồng chế khoa xuất thân khoa Ất Sửu niên hiệu Chính Trị thứ 8 (1565) đời Lê Anh Tông. Ông làm quan đến chức Lại bộ Tả thị lang. Sau khi mất được tặng Thượng thư bộ Binh, Thái bảo, tước Nham quận công, gia phong Kiệt tiết tuyên lực công thần (Ngô Đức Thọ, 2006, tr. 440). Tác giả Phan Huy Chú trong Lịch triều hiến chương loại chí đã nhận xét và liệt Lê Nghĩa Trạch vào những bề tôi tài giỏi có tiếng tốt dưới triều Nguyễn: “Những người bề tôi có tiếng tốt, trước sau nối nhau sinh ra như Lê Nghĩa Trạch ở Cổ Đồi thời Thận Đức (1600) phụng mạng đi sứ Thuận Hóa, Quảng Nam, dùng mưu trí biện bạch mọi việc, Nam triều khen là triều đình nhà Lê có người giỏi” (Phan Huy Chú, 2006).

(5) Lê Trất Dục (1570-?), năm 31 tuổi thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Đinh Mùi niên hiệu Hoàng Định 8 (1607) đời Lê Kính Tông. Ông làm Quan đến chức Hàn lâm Hiệu thảo (Ngô Đức Thọ, 2006, tr.456).

(6) Lê Sĩ Triệt (1612-?), có sách viết là Lê Nhân Triệt, ông là cháu của Lê Sĩ Trạch. Năm 29 tuổi thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thìn niên hiệu Dương Hòa 6 (1640) đời Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Tả thị lang bộ Hình, tước Quế Hải hầu (Ngô Đức Thọ, 2006, tr.480-481). Năm Quý Mùi (1693) ông theo hầu Văn tổ nghị vương Trịnh Tráng phò giá vua Lê Thần Tông đi đánh giặc phương nam. Năm Đinh Hợi (1647) lại theo hầu Hoàng tổ Dương vương Trịnh Tạc. Ông làm quan trải qua các chức Bồi tụng, Hữu thị lang bộ Hình, tước Quế Hải hầu trong triều đình Lê Trung hưng. Sau khi ông về trí sĩ được vua ban cho

một cây cờ gấm, ngự chế 6 câu đối và một bài thơ vinh quy, gia phả dòng họ Lê Sĩ còn ghi lại, trong đó có những câu như:

Phiên âm: Phụ tử đồng triều phu cộng khánh

Quân thân tương hội ích hoàng công

Dịch nghĩa: Cha con đồng triều phúc vui chung

Vua tôi đồng hội thêm cương trọng

Phiên âm: Thiên tài huân danh thực trúc bạc

Nhất môn quý thịnh hách quan thân

Dịch nghĩa: Sự nghiệp ngàn năm lưu sử sách

Quý quyền một họ rạng quan thân.

Sau khi ông mất ông được truy tặng chức Tả thị lang bộ Binh, tước hầu (Gia phả dòng họ Lê Sĩ làng Cổ Đồi).

(7) Lê Văn Hy (1631-?), sau đổi thành Lê Thuần Hy. Ông thi hương đỗ Giải Nguyên, 29 tuổi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Hợi niên hiệu Vĩnh Thọ 2 (1659) đời Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Hàn lâm Hiệu thảo (Ngô Đức Thọ, 2006, tr.502).

(8) Lê Chí Đạo (1624-?), cha Lê Chí Tuấn đỗ Đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân năm 1685. Năm 36 tuổi thi đỗ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Hợi niên hiệu Vĩnh Thọ 2 (1659) đời Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Giám sát, Tham chính (Ngô Đức Thọ, 2006, tr.501).

(9) Đỗ Công Liêm (1631-?), năm 41 tuổi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Tuất niên hiệu Cảnh Trị 8 (1670) đời Lê Huyền Tông. Ông làm quan đến chức Cấp sự trung (Ngô Đức Thọ, 2006, tr.515).

(10) Lê Sĩ Cẩn (1643-?), cha Lê Sĩ Triệt, cháu tăng tôn Lê Nghĩa Trạch. Năm 36 tuổi thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thân niên hiệu Vĩnh Trị 5 (1680) đời Lê Hy Tông. Ông làm quan đến chức Tham chính, thăng Tự Khanh, tước nam (Ngô Đức Thọ, 2006, tr.530).

(11) Lê Chí Tuấn (1649-?), năm 37 tuổi đỗ khoa Sĩ vọng, Đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Ất Sửu niên hiệu Chính Hòa 6 (1685) đời Lê Hy Tông. Ông làm quan đến chức Hiến sát sứ (Ngô Đức Thọ, 2006, tr.537).

Trong các nhà khoa bảng kể trên, làng Cổ Đồi tự hào có những dòng họ kế thế đăng khoa. Nổi tiếng trong vùng là họ Lê Sĩ có nhiều người đỗ đạt. Người đỗ đại khoa đầu tiên của dòng họ thuộc đời thứ 8 là Lê Nghĩa Trạch, đỗ khoa Ất Sửu (1565); đời thứ 9 có Lê Nhân Giáp, đỗ khoa Giáp Tuất (1594) thi Hương trúng tú trưởng, thi Hội nhiều lần trúng tam trường; đời thứ 10 có Lê Sĩ Triệt (cháu nội Lê Nghĩa

Trạch) đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640); đời thứ 11 Lê Sĩ Cẩn (con Lê Sĩ Triệt) đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thân (1680). Dòng họ Lê Sĩ với 4 đời kế thế nhau đỗ đạt, trong đó có 3 đời đỗ Tiến sĩ. Hiện nay, tại nhà thờ họ Lê Sĩ còn vẫn bia gia phả 4 bốn mặt, dựng vào tháng 10 năm Giáp Thân, Chính Hoà 15 (1694), còn lưu giữ được đôi câu đối ca ngợi truyền thống hiếu học của dòng họ:

“Tiến sĩ ba đời lừng đất Việt

Công hầu một họ ánh trời Nam”

Cùng với dòng họ Lê Sĩ, còn có Họ Đỗ. Người khai khoa là Đỗ Phi Tân, đỗ Tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Giáp Thìn (1544), em trai là Đỗ Tất Đại đỗ Đệ nhất giáp Chế khoa xuất thân khoa Giáp Dần niên hiệu Thuận Bình 6 (1554) đời Lê Trung Tông. Tiếp đến Đỗ Tế Mỹ (con trai Đỗ Tất Đại) đỗ Đệ nhất giáp Chế khoa xuất thân khoa Ất Sửu niên hiệu Chính Trị 8 (1565). Đây là trường hợp hiếm có dưới thời trung đại (trong một gia đình có 3 người đỗ đại khoa anh em, bố con liên đời) và là niềm tự hào của làng xã, dòng họ.

Ngoài những người đỗ đại khoa, làng Cổ Đồi còn có những nho sĩ đỗ ở các bậc Hương cống (dưới triều Lê Trung hưng), Cử nhân (Dưới triều Nguyễn) đã góp phần tăng thêm bề dày truyền thống khoa bảng trong làng xã. Trong cuốn sách “Đăng khoa lục Thanh Hóa” (nguyên văn chữ Hán là 秋比題名記 *Thu tỉ đề danh ký*) (ký hiệu 78/ĐC lưu tại phòng Địa chí thư viện tỉnh Thanh Hóa, được biên soạn vào khoảng cuối năm 1875 đầu năm 1876), đã thống kê chi tiết và công phu về những người đỗ Tiến sĩ, Hương cống, Cử nhân của Thanh Hóa. Theo cuốn sách này, làng Cổ Đồi có 11 người đỗ đạt gồm: Lê Chí Tổ, đỗ khoa Nhâm Ngọ, niên hiệu Chính Hòa thứ 23 (1702); Lê Sỹ Hàng, đỗ khoa Ất Dậu niên hiệu Vĩnh Thịnh đời Lê Dụ Tông thứ 1 (1705); Đỗ Đạt Luân, đỗ khoa Ất Dậu niên hiệu Vĩnh Thịnh đời Lê Dụ Tông thứ 1 (1705); Đỗ Đạt Luân, đỗ khoa Đinh Dậu, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 13, đời vua Lê Dụ Tông (1717); Lê Hưng Tân, đỗ khoa Nhâm Tý, niên hiệu Long Đức năm thứ 1, đời Lê Thuần Tông (1732); Mai Sĩ Hoành, đỗ khoa Ất Dậu niên hiệu Cảnh Hưng thứ 26 (1765) đời vua Lê Hiến Tông; Nguyễn Đôn, đỗ khoa Ất Dậu niên hiệu Cảnh Hưng thứ 26 (1765) đời vua Lê Hiến Tông; Lê Chí Khả, đỗ khoa Quý Mão, niên hiệu Cảnh Hưng 44 (1783), đời Lê Hiến Tông; Lê Hưng Triều, đỗ khoa Tân Mùi (1871) niên hiệu Tự Đức thứ 21; Đỗ Công Hữu, đỗ khoa Tân Mùi (1871) niên hiệu Tự Đức thứ 21; Lê Tân, đỗ khoa Tân Mùi (1871) niên hiệu Tự Đức thứ 21.

Như vậy, dưới thời trung đại, làng Cổ Đồi là một

trong những ngôi làng khoa bảng tiêu biểu bậc nhất của xứ Thanh. Làng Cổ Đôi có tới 11 người đỗ Đại khoa và 11 người đỗ Cử nhân, Hương cống, trong đó nhiều gia đình, dòng họ có từ 2 đến 3 người kể thế đỗ Đại khoa như dòng họ Lê Sĩ, họ Đỗ. Nhiều người sau khi đỗ đạt ra làm quan được triều đình trọng dụng và có đóng góp với đất nước trên các lĩnh vực chính trị, văn hóa, ngoại giao...

5. Thảo luận

Khảo cứu lịch sử khoa cử Nho học ở Việt Nam cho thấy, làng khoa bảng là một loại hình đặc biệt, được hình thành, phát triển gắn liền với nền quân chủ. Với chủ trương xem “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”, các triều đại quân chủ Việt Nam luôn xem trọng phát triển giáo dục, đào tạo và trọng dụng nhân tài. Các làng khoa bảng được hình thành nên từ nhiều yếu tố, trong đó có những yếu tố về kinh tế, chính sách phát triển giáo dục, khoa cử qua các thời kỳ của nhà nước phong kiến, nhưng yếu tố quan trọng nhất là truyền thống hiếu học của các gia đình, dòng họ, chế độ khuyến học của làng xã. Cùng với các khu vực khác, đồng bằng sông Mã có lịch sử hình thành, phát triển lâu đời với nhiều làng khoa bảng, nhiều gia đình, dòng họ nối tiếp nhau đỗ đạt. Tuy nhiên, đến nay vấn đề này vẫn chưa được nghiên cứu và giới thiệu một cách đầy đủ.

Ở làng Cổ Đôi, cơ sở hình thành nên làng khoa bảng, trước hết là truyền thống hiếu học trong các gia đình, dòng họ, chính sách khuyến khích học tập của làng xã. Trong mỗi gia đình luôn xem việc dạy con làm đầu, trước hết lấy “nhân, lễ”, sau nữa “đỗ đạt” trên quan trường để “công thành danh toại”, “vinh thân, phì gia”, làm rạng danh tổ tiên, gia đình, dòng họ.

Một trong những yếu tố quan trọng hình thành nên làng khoa bảng Cổ Đôi là làng đã có những quy ước về khuyến khích học tập, truyền thống giáo dục trong các gia đình, dòng họ. Trong bản hương ước làng Cổ Đôi dành những mục rất quan trọng để khuyến khích học hành khoa cử như việc làm nhà học trên “vườn ký thí”, cung cấp tiền cho người đi thi và thưởng tiền, tổ chức ăn uống cùng nhiều đặc lợi khác cho người đỗ đạt. Bản Hương ước làng Cổ Đôi cho biết, những người học hành đỗ đạt không chỉ được làng xã trọng vọng, treo thưởng mà còn được miễn lao dịch. Khảo sát ở làng Cổ Đôi được biết, làng có khu được gọi là Vườn Ký thí có từ thời Lê Trung hưng. Mỗi khi gần đến khoa thi, tất cả các trai tráng trong làng cùng bỏ công sức, đóng góp về vật chất để làm nhà học trên Vườn Ký thí, khu vườn rộng trên 1 sào đất (hơn 500m), được trồng cây kè, và các loại cây xà cừ để lấy bóng mát. Nhà

học được chia làm nhiều gian, mỗi gian dành cho một thí sinh đến luyện tập văn bài “sôi kinh nấu sữ”, cách ly gia đình vợ con để chuyên tâm vào văn chương, chữ nghĩa. Vào mỗi kỳ thi hương, những người dự thi sẽ được làng cấp cho tiền lệ phí. Nếu thi cử đỗ đạt “nhất cử thành danh” thì sẽ được làng thưởng tiền ba quan, rượu một vò để làm lễ cáo yết tổ tiên. Những người đỗ Đại khoa vinh quy bái tổ, thì làng đứng ra phục dịch và có lễ khao, lễ tổ tiên và yết tạ ở miếu Thần Đồng. Những người đỗ đạt không chỉ được làng xã trọng vọng mà còn được hưởng nhiều phúc lợi khi tham gia việc làng hay khi trong nhà có việc hiếu, việc hi... Chính những động lực đó đã thôi thúc các sĩ tử ra sức học hành để thành đạt. Nhờ vào việc coi trọng sự học của làng Cổ Đôi, từ đó đã khuyến khích những người trong làng xã hăng hái học tập nên trong làng có nhiều người đỗ đạt cao từ Tiến sĩ đến Hương cống, Cử nhân. Những người đỗ đạt không chỉ góp phần “Vinh thân, phì gia” mà còn làm rạng danh cho gia đình, dòng họ, hay chí ít người có học cũng được làng xã trọng vọng.

Bên cạnh đó, nghiên cứu làng Cổ Đôi còn cho thấy, cơ sở hình thành làng khoa bảng còn có sự cấu thành từ yếu tố kinh tế. Do làng có sự kết hợp giữa kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và buôn bán, nên kinh tế của làng cũng có phần ổn định hơn các làng xã nông thôn truyền thống. Đó cũng là nhân tố tạo thuận lợi để cho các gia đình có điều kiện chăm lo việc học hành cho con cái. Tất cả những yếu tố trên là cơ sở cho sự ra đời những tên tuổi, làm nên bề dày lịch sử khoa cử của làng Cổ Đôi, đóng góp công sức vào tạo dựng nên một vùng quê có truyền thống hiếu học, khoa bảng.

6. Kết luận

Bằng con đường khoa cử, dưới thời trung đại Làng Cổ Đôi đã có nhiều người đỗ đạt ra làm quan và có nhiều đóng góp cho đất nước. Đó là niềm tự hào của làng xã, dòng họ mà không phải nơi nào cũng có được. Có nhiều yếu tố đã góp phần tạo dựng nên làng Cổ Đôi khoa bảng, song trước hết là truyền thống hiếu học trong các gia đình, dòng họ và chính sách khuyến khích học tập của làng xã. Do đó, nghiên cứu về làng khoa bảng Cổ Đôi thời trung đại không chỉ góp phần quan trọng để người dân thêm hiểu biết về truyền thống khoa bảng của làng xã, mà còn trực tiếp khơi dậy và phát huy truyền thống tốt đẹp đó trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hoàng Giang. (2007). *Lịch sử Đảng bộ xã Hoàng Giang (1947-2007)*.
- Ban Nghiên cứu và Biên soạn lịch sử Thanh Hóa. (1990-2008). *Lịch sử Thanh Hóa*. Gồm 5 tập: tập 1 (1990), tập 2 (1994), tập 5 (1996), tập 3 (2002), tập 4 (2008). Nxb. Khoa học Xã hội.
- Bảo, N. V. (2021). *Kinh tế, xã hội và văn hoá làng Cổ Định (Thanh Hoá) đến đầu thế kỷ XX*. Luận án tiến sĩ Lịch sử.
- Chú, P. H. (2007). *Lịch triều hiến chương loại chí - Tập 2*. Nxb. Giáo dục.
- Đăng khoa lục Thanh Hóa. (1976). Nguyên văn chữ Hán là 秋 比 題 名 記 (*Thu tỉ đề danh ký*), ký hiệu 78/ĐC lưu tại phòng Địa chí thư viện tỉnh Thanh Hóa.
- Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Nông Cống. (1998). *Địa chí huyện Nông Cống*. Nxb. Khoa học Xã hội.
- Ngọc, M. P. (2014). *Cơ cấu kinh tế, xã hội và văn hóa xã Hoằng Lộc (Hoàng Hóa, Thanh Hóa) thời kỳ trung đại*. Luận án tiến sĩ Lịch sử.
- Thọ, N. Đ., Nga, N. T., & Mùi, N. H. (2006). *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075-1919*. Nxb. Văn học.

LÀNG KHOA BẢNG CỔ ĐÔI THỜI KỲ TRUNG ĐẠI

Nguyễn Văn Bảo

Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Email: nguyenbaovsh@gmail.com

Nhận bài: 04/8/2021; Phản biện: 19/8/2022; Tác giả sửa: 25/8/2022; Duyệt đăng: 29/8/2022; Phát hành: 30/9/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/728>

Làng Cổ Đôi là một trong những ngôi làng cổ thuộc vùng đồng bằng sông Mã, nay là xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở của nền giáo dục, khoa cử Nho học, với truyền thống hiếu học, làng Cổ Đôi đã trở thành một trong những làng khoa bảng tiêu biểu của xứ Thanh. Bài biết tập trung nghiên cứu, làm rõ những thành tựu giáo dục khoa cử của làng, cùng những đóng góp quan trọng của các nhà khoa bảng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao...

Từ khóa: Làng Cổ Đôi; Giáo dục khoa cử; Làng khoa bảng; Vùng đồng bằng sông Mã; Tỉnh Thanh Hóa.